

Số: / TB-CNTT

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

VIỆN CÔNG NGHỆ THÔNG TIN, ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
THÔNG BÁO TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TIẾN SĨ ĐỢT 1 NĂM 2025

1. CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TIẾN SĨ

1.1. Chuyên ngành tuyển sinh

- Quản lý hệ thống thông tin
- Khoa học và Kỹ thuật máy tính

1.2. Hình thức tuyển sinh: xét tuyển

1.3. Điều kiện dự tuyển

a. Người dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành án hình sự, kỉ luật từ mức cảnh cáo trở lên.
- Có đủ sức khoẻ để học tập.
- Đã tốt nghiệp thạc sĩ ngành phù hợp, hoặc tốt nghiệp trình độ tương đương bậc 7 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam ở một số ngành đào tạo chuyên sâu đặc thù phù hợp với ngành đào tạo tiến sĩ. Trường hợp thí sinh phải học bổ sung kiến thức thì cần phải hoàn thành trước khi đăng ký dự tuyển. Văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận theo quy định hiện hành.
- Có kinh nghiệm nghiên cứu thể hiện qua luận văn thạc sĩ của CTĐT định hướng nghiên cứu, các công trình công bố. Riêng các thí sinh có bằng thạc sĩ định hướng ứng dụng hoặc bằng thạc sĩ ngành/chuyên ngành phù hợp nhưng phải học bổ sung kiến thức thì phải là tác giả hoặc đồng tác giả của tối thiểu 01 công bố khoa học. Công bố khoa học có thể là bài báo thuộc tạp chí khoa học chuyên ngành hoặc báo cáo khoa học đăng tại kỷ yếu của các hội nghị, hội thảo khoa học quốc gia hoặc quốc tế có phản biện, có mã số xuất bản ISBN liên quan đến lĩnh vực hoặc đề tài nghiên cứu, được hội đồng chức danh giáo sư, phó giáo sư của ngành/liên ngành công nhận.
- Có đề cương nghiên cứu, trong đó nêu rõ tên đề tài dự kiến, lĩnh vực nghiên cứu; lý do lựa chọn lĩnh vực, đề tài nghiên cứu; giản lược về tình hình nghiên cứu lĩnh vực đó trong và ngoài nước; mục tiêu nghiên cứu; một số nội dung nghiên cứu chủ yếu; phương pháp nghiên cứu và dự kiến kết quả đạt được; lý do lựa chọn đơn vị đào tạo; kế hoạch thực hiện trong thời gian đào tạo; những kinh nghiệm, kiến thức, sự hiểu biết cũng như những chuẩn bị của thí sinh cho việc thực hiện luận án tiến sĩ. Trong đề cương có thể đề xuất cán bộ hướng dẫn.
- Có thư giới thiệu của ít nhất 01 nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ đã tham gia hoạt động chuyên môn với người dự tuyển và am hiểu lĩnh vực chuyên môn mà người dự tuyển dự định nghiên cứu. Thư giới thiệu phải có những nhận xét, đánh giá người dự tuyển về:
 - + Phẩm chất đạo đức, năng lực và thái độ nghiên cứu khoa học, trình độ chuyên môn của người dự tuyển;

- + Đối với nhà khoa học đáp ứng các tiêu chí của người hướng dẫn nghiên cứu sinh và đồng ý nhận làm cán bộ hướng dẫn luận án, cần bổ sung thêm nhận xét về tính cấp thiết, khả thi của đề tài, nội dung nghiên cứu; và nói rõ khả năng huy động nghiên cứu sinh vào các đề tài, dự án nghiên cứu cũng như nguồn kinh phí có thể chi cho hoạt động nghiên cứu của nghiên cứu sinh (nếu có).
 - + Những nhận xét khác và mức độ ủng hộ, giới thiệu thí sinh làm nghiên cứu sinh.
 - Có công văn cử đi dự tuyển của cơ quan quản lý trực tiếp theo quy định hiện hành về việc đào tạo và bồi dưỡng công chức, viên chức (nếu người dự tuyển là công chức, viên chức);
 - Đạt đủ điều kiện về kinh nghiệm và thâm niên công tác theo yêu cầu cụ thể của từng chuyên ngành đào tạo.
 - Cam kết thực hiện các nghĩa vụ tài chính trong quá trình đào tạo theo quy định của đơn vị đào tạo.
- b. Người dự tuyển là công dân Việt Nam phải đạt yêu cầu về năng lực ngoại ngữ phù hợp với yêu cầu về ngoại ngữ của chương trình đào tạo, được minh chứng bằng một trong những văn bằng, chứng chỉ sau:
- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do một cơ sở đào tạo nước ngoài, phân hiệu của cơ sở đào tạo nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp cho người học toàn thời gian bằng tiếng nước ngoài;
 - Bằng tốt nghiệp trình độ đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài hoặc ngành sư phạm ngôn ngữ nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;
 - Một trong các chứng chỉ ngoại ngữ tương đương trình độ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam trong thời hạn 2 năm kể từ ngày thi chứng chỉ đến ngày đăng ký dự tuyển, được quy định tại phụ lục 1 và phụ lục 2 (không chấp nhận chứng chỉ ngoại ngữ thi theo hình thức trực tuyến).
- c. Người dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học chương trình đào tạo tiên si bằng tiếng Việt phải đạt trình độ tiếng Việt từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương) trở lên mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt; đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ thứ hai theo quy định của cơ sở đào tạo (nếu có) trừ trường hợp là người bản ngữ của ngôn ngữ được sử dụng trong chương trình đào tạo.

2. CHỈ TIÊU TUYỂN SINH: 05 nghiên cứu sinh

| STT | Chuyên ngành | Số lượng |
|-----|-------------------------------|----------|
| 1. | Quản lý hệ thống thông tin | 02 |
| 2. | Khoa học và Kỹ thuật máy tính | 03 |

- Chỉ tiêu tuyển sinh có thể được điều chỉnh để phù hợp với tình hình thực tế, không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của thí sinh dự tuyển.

3. HỒ SƠ DỰ THI

Bao gồm:

- a) Đơn đăng ký dự tuyển;
- b) Sơ yếu lý lịch cá nhân;
- c) Lý lịch khoa học;

- d) Bản sao hợp lệ các văn bằng, chứng chỉ và minh chứng về chuyên môn, ngoại ngữ, kinh nghiệm nghiên cứu khoa học và thâm niên công tác theo quy định; Giấy chứng nhận công nhận văn bằng trong trường hợp bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp;
- e) Đề cương nghiên cứu;
- f) Thư giới thiệu của tối thiểu một nhà khoa học;
- g) Các tài liệu liên quan khác theo yêu cầu của đơn vị đào tạo;
- h) Công văn cử đi dự tuyển của cơ quan quản lý trực tiếp theo quy định hiện hành về việc đào tạo và bồi dưỡng công chức, viên chức (nếu người dự tuyển là công chức, viên chức);
- i) Xác nhận thâm niên công tác, quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động;
- j) Giấy khám sức khỏe do cơ sở y tế có thẩm quyền chứng nhận đủ sức khỏe để học tập được cấp không quá 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ;
- k) 04 ảnh 3x4 (ghi tên, ngày tháng năm, nơi sinh sau ảnh). Thí sinh tải hồ sơ tại đây:

https://drive.google.com/drive/folders/1SG_DMyl92qRGmyoMhhlqJ8eTdNbKo89c?usp=sharing

4. ĐĂNG KÝ DỰ THI, THỜI GIAN THI VÀ LỆ PHÍ

4.1. Nhiệm vụ của thí sinh

- Bước 1: Thí sinh truy cập vào phần mềm tuyển sinh sau đại học của ĐHQGHN tại địa chỉ: <http://tssdh.vnu.edu.vn> để khai báo các thông tin cơ bản theo hướng dẫn. Người dự tuyển phải cam kết và chịu trách nhiệm về tính trung thực trong các thông tin khai báo. Người dự tuyển không hoàn thành việc đăng ký trực tuyến sẽ không đủ điều kiện dự tuyển.
- Bước 2: Thí sinh nộp hồ sơ bản cứng trực tiếp tại Phòng 609 – Nhà E3, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội hoặc chuyển qua đường bưu điện (nếu hồ sơ chuyển qua đường bưu điện sẽ tính theo dấu bưu điện) từ 8h00 ngày 18/03/2025 đến 17h00 ngày 29/04/2025.

4.2. Thời gian đánh giá hồ sơ chuyên môn: Từ ngày 20/05/2025 đến 23/05/2025.

4.3. Lệ phí

- Lệ phí đăng ký xét duyệt: 60.000đ/thí sinh/hồ sơ.
- Lệ phí xét duyệt: 200.000đ/thí sinh/hồ sơ.
- Phương thức nộp tiền: thí sinh có thể chuyển lệ phí tuyển sinh theo quy định vào tài khoản của Viện Công nghệ Thông tin hoặc nộp trực tiếp bằng tiền mặt tại Viện CNTT.
- Thông tin chuyển tiền qua tài khoản:
 - Tên Tài khoản: Viện Công nghệ Thông tin – ĐHQGHN
 - Số TK: 0066899899, ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài gòn - Hà Nội.

5. THỜI GIAN CÔNG BỐ KẾT QUẢ THI, THỜI GIAN ĐÀO TẠO

- Thời gian công bố kết quả thi: Trước ngày 29/05/2025.
- Thời gian triệu tập thí sinh trúng tuyển: Trước ngày 27/06/2025.

6. THỜI GIAN ĐÀO TẠO: 3 năm

7. THÔNG TIN HỌC PHÍ, HỌC BỔNG TRONG QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO

- Học phí năm học 2025-2026: 45.000.000 đ/năm học.
- Lộ trình tăng học phí đào tạo bậc tiến sĩ tuân theo quy định của nhà nước và các

quy định khác có liên quan.

- Học bổng dành cho NCS có năng lực nghiên cứu xuất sắc của ĐHQGHN.
- Nghiên cứu sinh làm việc toàn thời gian tại Viện sẽ được ký hợp đồng hưởng lương hằng tháng, miễn toàn bộ học phí, được hỗ trợ chi phí tham dự hội nghị khoa học cùng nhiều quyền lợi khác.
- Ngoài ra, nghiên cứu sinh có thể nhận thêm học bổng từ các tổ chức, doanh nghiệp bên ngoài, chẳng hạn như học bổng VINIF (<https://institute.vinbigdata.org/quy-vinif/>) trong suốt quá trình học tập.

8. THÔNG TIN LIÊN HỆ, TƯ VẤN TUYỂN SINH

Mọi chi tiết xin liên hệ tại:

Phòng Khoa học Công nghệ và Đào tạo, Viện Công nghệ Thông tin

Phòng 609 - E3, số 144 đường Xuân Thủy, quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Điện thoại: (024)-37547347 hoặc số hotline: 0902202466.

Email: nthuong@vnu.edu.vn

Website: <http://www.iti.vnu.edu.vn>

Trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:

- Ban ĐT&CTSV, ĐHQGHN (để b/c);
- Các cơ quan, cá nhân quan tâm;
- Website của Viện CNTT;
- Lưu: VT, KHCN&ĐT, NH30.

**CHỦ TỊCH HĐQTSSDH
VIỆN TRƯỞNG**

Trần Xuân Tú

Phụ lục 1

**Bảng tham chiếu mức điểm tối thiểu một số chứng chỉ Ngoại ngữ tương đương Bậc 4
theo Khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam**

Tiếng Anh

| Khung năng lực ngoại ngữ VN | IELTS | TOEFL | Cambridge Exam | Pearson English International Certificate (PEIC) | Pearson Test of English Academic (PTE Academic) | APTIS ESOL | Vietnamese Standardized Test of English Proficiency (*) |
|--|--------------|--------------|--|---|--|-----------------------|--|
| Bậc 4 | 5.5 | 72 iBT | B1 Preliminary: 160 B2 First: 160 C1 Advanced: 160 B1 Business Preliminary 160 B2 Business Vantage: 160 C1 Business Higher: 160 | Level 3 | 59-75 | B2 | VSTEP.3-5 (6.0) |

Ghi chú: (*) chứng chỉ tiếng Anh VSTEP được cấp theo mẫu do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tại Thông báo số 691/TB-QLCL ngày 08 tháng 5 năm 2020 (xem mẫu tại: https://bit.ly/mau_ccvstep).

Một số ngoại ngữ khác

| Khung năng lực ngoại ngữ VN | Tiếng Nga | Tiếng Pháp (*) | Tiếng Đức | Tiếng Trung | Tiếng Nhật | Tiếng Hàn |
|-----------------------------|-----------|----------------|---|--------------|---|---------------------|
| Bậc 4 | ТРКИ-2 | TCF B2 | Goethe-Zertifikat B2, TELC Deutsch B2, DSD II (Viết/nói: 8-11 điểm; Nghe/đọc: 8-13 điểm), ÖSD -Zertifikat B2, TestDaF-TDN4 ECL B2 | HSK Bậc 4 | JLPT N2 (90) NAT-TEST 2Q (100) J-TEST (600) | TOPIK II (Bậc 4) |

Ghi chú:

(*) Bằng tiếng Pháp DELF và DALF được sử dụng trong tuyển sinh đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ và không giới hạn thời hạn sử dụng. Đối với một số chứng chỉ quốc tế không thông dụng khác, đơn vị đào tạo cần gửi đến Bộ Giáo dục và Đào tạo cho ý kiến về việc quy đổi tương đương.

Phụ lục 2

Danh sách các cơ sở cấp chứng chỉ, chứng nhận ngoại ngữ được công nhận trong tuyển sinh sau đại học của ĐHQGHN

1. Chứng chỉ tiếng Anh VSTEP

ĐHQGHN công nhận tất cả các cơ sở cấp chứng chỉ tiếng Anh VSTEP được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận. Dưới đây là danh sách các cơ sở cấp chứng chỉ tiếng Anh VSTEP đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp phép (tính đến tháng 02/2025).

| STT | Cơ sở cấp chứng chỉ, chứng nhận | STT | Cơ sở cấp chứng chỉ, chứng nhận |
|-----|--|-----|---|
| 1. | Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN | 19. | Trường Đại học Quy Nhơn |
| 2. | Trường Đại học Hà Nội | 20. | Trường Đại Học Tây Nguyên |
| 3. | Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐH Huế | 21. | Trường Đại học Sài Gòn |
| 4. | Trường Đại học Sư phạm TP. HCM | 22. | Trường Đại học Văn Lang |
| 5. | Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐH Đà Nẵng | 23. | Trường Đại học Trà Vinh |
| 6. | Trường Đại học Sư phạm Hà Nội | 24. | Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM |
| 7. | Đại học Bách khoa Hà Nội | 25. | Trường Đại Học Công nghiệp TP.HCM |
| 8. | Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn – ĐHQG TP.HCM | 26. | Trường Đại học Lạc Hồng |
| 9. | Đại học Thái Nguyên | 27. | Trường Đại học Kinh tế Tài chính TP.HCM |
| 10. | Trường Đại học Cần Thơ | 28. | Trường Đại học Công thương TP. HCM |
| 11. | Trường Đại học Nam Cần Thơ | 29. | Trường Đại học Kinh tế quốc dân |
| 12. | Trường Đại học Vinh | 30. | Trường Đại học Kinh tế TP. HCM |
| 13. | Học viện An ninh nhân dân | 31. | Trường Đại học Đồng Tháp |
| 14. | Học viện Báo chí và Tuyên truyền | 32. | Trường Đại học Duy Tân |
| 15. | Trường Đại học Thương mại | 33. | Trường Đại học Phenikaa |
| 16. | Trường Đại học Ngoại thương | 34. | Học viện Ngân hàng |
| 17. | Học viện Khoa học quân sự | 35. | Trường Đại học Tài chính – Marketing |
| 18. | Học viện Cảnh sát nhân dân | 36. | Trường Đại học Thành Đô |

2. Các chứng chỉ tiếng Anh quốc tế

| STT | Cơ sở cấp chứng chỉ | Các chứng chỉ được công nhận | | | | | |
|-----|---|------------------------------|-------|----------------|------------|------|--------------|
| | | IELTS | TOEFL | Cambridge Exam | Aptis ESOL | PEIC | PTE Academic |
| 1. | Educational Testing Service (ETS) | | √ | | | | |
| 2. | British Council (BC) | √ | | | √ | | |
| 3. | International Development Program (IDP) | √ | | | | | |
| 4. | Cambridge ESOL | √ | | √ | | | |
| 5. | Pearson plc | | | | | √ | √ |

3. Một số chứng chỉ ngoại ngữ khác

| STT | Cơ sở cấp chứng chỉ | Một số ngoại ngữ khác | | | | | |
|-----|--|-----------------------|------------|-----------|-------------|------------|-----------|
| | | Tiếng Nga | Tiếng Pháp | Tiếng Đức | Tiếng Trung | Tiếng Nhật | Tiếng Hàn |
| 1. | Viện tiếng Nga Quốc gia A.X.Puskin; Phân viện Puskin | √ | | | | | |
| 2. | Bộ Giáo dục Pháp | | √ | | | | |
| 3. | Viện Goethe, TELC, ZfA, ÖSD | | | √ | | | |
| 4. | Công ty TNHH Công nghệ Giáo dục Quốc tế khảo thí Hán ngữ, Bắc Kinh, Trung Quốc(*) | | | | √ | | |
| 5. | Japan Foundation (JLPT) Senmon Kyouiku Publishing Co.,Ltd (NAT-TEST); Nihongo Kentei Kyokai (J – Test) | | | | | √ | |
| 6. | Viện Giáo dục Quốc tế quốc gia Hàn Quốc (NIIED) | | | | | | √ |

Ghi chú: (*) Cơ sở cấp chứng chỉ ngoại ngữ tiếng Trung có hiệu lực áp dụng từ ngày 16/01/2024 (trước thời điểm này là Tổ chức Hán Ban, Trung Quốc).

Phụ lục 3 – Danh mục các ngành/chuyên ngành trình độ đại học/thạc sĩ được xét tuyển đối với từng chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ

| TT | Chuyên ngành | Danh mục các ngành phù hợp (không phải bổ sung kiến thức trước khi dự tuyển) | Danh mục các ngành phù hợp phải bổ sung kiến thức trước khi dự tuyển | Học phần bổ sung kiến thức |
|----|-------------------------------|---|---|--|
| 1. | Quản lý hệ thống thông tin | <ul style="list-style-type: none"> - Nhóm ngành Máy tính (mã: 84801): Khoa học máy tính (8480101); Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu (8480102); Kỹ thuật phần mềm (8480103); Hệ thống thông tin (8480104); - Nhóm ngành Công nghệ thông tin (mã: 84802): Công nghệ thông tin (8480201); An toàn thông tin (8480202); Quản lý công nghệ thông tin (8480204); Quản lý hệ thống thông tin (8480205). | <ul style="list-style-type: none"> - Nhóm ngành toán học (mã: 84601): Cơ sở toán học cho tin học (8460110); Toán tin (mã: 8460117). - Nhóm ngành quản trị - quản lý (mã: 83404): Hệ thống thông tin quản lý (8340405) | <ul style="list-style-type: none"> - Các đối tượng thuộc nhóm phải bổ sung kiến thức bắt buộc phải hoàn thành các học phần sau đây (nếu chưa có điểm trong bảng điểm của chương trình đào tạo thạc sĩ): Quản lý hệ thống thông tin; Cơ sở dữ liệu nâng cao; An ninh và an toàn hệ thống thông tin. - Các đối tượng thuộc nhóm phải bổ sung kiến thức chọn 2/4 học phần dưới đây (6 tín chỉ): Kiến trúc hệ thống thông tin doanh nghiệp; Phân tích thiết kế hướng đối tượng; Thương mại điện tử; Hệ thống thông tin địa lý. |
| 2. | Khoa học và Kỹ thuật máy tính | <ul style="list-style-type: none"> - Lĩnh vực máy tính và công nghệ thông tin (mã: 848): + Nhóm ngành Máy tính (mã: 84801): Khoa học máy tính (8480101); Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu (8480102); Kỹ thuật phần mềm (8480103); | <ul style="list-style-type: none"> - Lĩnh vực Kỹ thuật (mã: 852): + Nhóm ngành cơ khí và cơ kỹ thuật (mã: 85201): Kỹ thuật cơ điện tử (8520114); Kỹ thuật | <ul style="list-style-type: none"> - Các đối tượng thuộc nhóm phải bổ sung kiến thức chọn 3/8 học phần dưới đây (9 tín chỉ): Hệ thống nhúng; Khoa học dữ liệu; An ninh và an toàn hệ thống thông tin; Kiến trúc máy tính nâng |

| | | | |
|--|--|---|--|
| | <p>Hệ thống thông tin (8480104); Kỹ thuật máy tính (8480106); Trí tuệ nhân tạo (8480107)</p> <p>+ Nhóm ngành Công nghệ thông tin (mã: 84802): Công nghệ thông tin (8480201); An toàn thông tin (8480202); Quản lý công nghệ thông tin (8480204); Quản lý hệ thống thông tin (8480205).</p> <p>- Lĩnh vực Toán và thống kê (mã: 846):</p> <p>+ Nhóm ngành toán học (mã: 84601): Khoa học tính toán (8460107); Khoa học dữ liệu (8460108); Cơ sở toán học cho tin học (8460110); Toán tin (mã: 8460117); Toán ứng dụng (8460112).</p> <p>- Lĩnh vực Kỹ thuật (mã: 852):</p> <p>+ Nhóm ngành Kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông (mã 85202): Kỹ thuật điện tử (8520203); Kỹ thuật viễn thông (8520208); Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa (8520216); Kỹ thuật mật mã (8520209); Kỹ thuật y sinh (8520212).</p> | <p>hàng không (8520120); Kỹ thuật không gian (8520121).</p> | <p>cao; Xử lý ngôn ngữ tự nhiên; Xử lý tín hiệu số nâng cao; Xử lý ảnh số nâng cao; Khai phá dữ liệu video nâng cao.</p> |
|--|--|---|--|

Phụ lục 4 - Danh mục các hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu, đề tài nghiên cứu kèm theo danh sách người hướng dẫn đáp ứng đủ điều kiện hướng dẫn nghiên cứu sinh

| Thông tin chung về giảng viên | | | Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu, đề tài nghiên cứu | Thông tin liên lạc |
|---------------------------------|----------------------|---|--|-----------------------|
| TT | Họ và tên | Ngành đào tạo | | |
| Khoa Công nghệ Thông tin | | | | |
| 1. | GS.TS. Trần Xuân Tú | Điện tử và Kỹ thuật máy tính | <ul style="list-style-type: none"> - An toàn thông tin cho thiết bị IoT - Kiến trúc truyền thông trong mạng nơ-ron tích chập - Mạng truyền thông trên chip - Thiết kế vi mạch bán dẫn - Thiết kế công suất thấp - AI chip | tutx@vnu.edu.vn |
| 2. | GS.TSKH. Đinh Dũng | Toán học | <ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu về các thuật toán trong xử lý tín hiệu - Nghiên cứu về dấu và phát hiện thông tin | Dzung.dinh@vnu.edu.vn |
| 3. | GS.TS. Vũ Đức Thi | Tin học | <ul style="list-style-type: none"> - Cơ sở dữ liệu đa phương tiện - Cơ sở dữ liệu phân tán - Kho dữ liệu (datawarehouse) - Tích hợp CSDL - Khai phá dữ liệu (data mining) - Hệ thống thông tin địa lý (GIS) - Xử lý dữ liệu lớn | vdthi@vnu.edu.vn |
| 4. | PGS.TS. Lê Hoàng Sơn | Đảm bảo Toán cho máy tính và Hệ thống tính toán | <ul style="list-style-type: none"> - Trí tuệ nhân tạo - Khai phá dữ liệu (data mining) - Tính toán mềm (soft computing) - Nhận dạng và tính toán mờ (Fuzzy Partent recognition and computing) | sonlh@vnu.edu.vn |

| | | | | |
|----|-----------------------|--------------------------------|--|----------------------|
| 5. | TS. Lê Quang Minh | Máy tính và Hệ thống tính toán | <ul style="list-style-type: none"> - Ứng dụng các thuật toán học máy trong bài toán phát hiện xâm nhập, tấn công mạng - An toàn hệ thống thông tin, An toàn mạng máy tính - Khung an toàn thông tin cho các doanh nghiệp theo tiếp cận ISO, NIST - Các thuật toán mật mã lượng tử, mật mã hậu lượng tử | quangminh@vnu.edu.vn |
| 6. | TS. Bùi Duy Hiếu | Điện tử Nano và công nghệ Nano | <ul style="list-style-type: none"> - Thiết kế phần cứng bảo mật - Thiết kế công suất thấp - AI chip | hieubd@vnu.edu.vn |
| 7. | TS. Dương Quang Khánh | Kỹ thuật robot và điều khiển | <ul style="list-style-type: none"> - Ứng dụng Trí tuệ nhân tạo trong điều khiển giảm dao động cho các hệ thống cơ điện tử - Hệ thống nhúng và IoT - Các phương pháp thiết kế quỹ đạo chuyển động - Tự động hóa dây chuyền sản xuất công nghiệp | khanhdq@vnu.edu.vn |